**Chương 7: LUẬT DÂN SỰ**

*Bộ luật dân sự được Quốc hội Khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 gồm 6 phần, 27 chương, 689 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.*

*Bộ luật Dân sự* ***(Luật số: 91/2015/QH13)*** *năm 2015 cũng đã được Chủ tịch nước công bố theo Lệnh số 20/2015/L-CTN ngày 08/12/2015. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế Bộ luật Dân sự năm 2005.*

*Bộ luật Dân sự năm 2015 là đạo luật cơ bản của hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ dân sự được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm của các bên tham gia quan hệ đó. Đây là dấu mốc quan trọng đánh dấu sự phát triển của pháp luật dân sự ở nước ta.*

**7.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ LUẬT DÂN SỰ**

**7.1.1. Khái niệm**

*Luật dân sự là một ngành luật độc lập trong hệ thống pháp luật Việt Nam, là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trên cơ sở bình đẳng, độc lập của các chủ thể khi tham gia vào các quan hệ đó.*

**7.1.2. Đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự**

Đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự bao gồm các quan quan hệ tài sản và hệ nhân thân.

***\* Quan hệ tài sản:***

*Là quan hệ giữa người với người thông qua một tài sản. Quan hệ tài sản bao giờ cũng gắn với tài sản nhất định, được thể hiện dưới dạng này hay dạng khác.*

**- Tài sản là:**

Khoản 1, Điều 105 BLDS 2015 quy định: “Tài sản là vật, tiền, giấy tờ có giá trị về tài sản và các quyền tài sản”.

Khoản 2, Điều 105 BLDS 2015 quy định: Tài sản bao gồm bất động sản và động sản. Bất động sản và động sản có thể là tài sản hiện có và tài sản hình thành trong tương lai.

**Tài sản được phân thành:**

+ Tài sản hữu hình: Tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, cất giữ, để dành.

+ Tài sản vô hình: Quyền sở hữu trí tuệ, yêu cầu phải thực hiện một công việc hoặc không được thực hiện một công việc, một hành vi nhất định.

***Câu hỏi: Thông tin cá nhân có phải là TS? Vụ việc facebook lấy cắp dữ liệu cá nhân của người dùng facebook; Vụ Jetstar Pacifi tuyên bố về việc thu thập thông tin cá nhân có vi phạm PL?***

***TL:*** *Pháp luật của từng nước đều có những điều khoản quy định cụ thể về bảo vệ thông tin cá nhân trên mạng, nhằm đảm bảo an toàn và bí mật đời tư cá nhân. Quyền bí mật đời tư, hay còn gọi là quyền riêng tư cá nhân được pháp luật bảo trợ, theo đó*[*thông tin cá nhân*](http://www.pcworld.com.vn/articles/cong-nghe/cong-nghe/2014/09/1236013/thoi-quen-luot-web-va-cuoc-dua-theo-dau-nguoi-dung-truc-tuyen/)*nhạy cảm của mỗi người phải do chính người đó quyết định, cho phép ai, khi nào và những thông tin gì thì được phép xem và chia sẻ. Tại Việt Nam, luật ATTT mạng cũng đã được Quốc hội thông qua và có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2016, nghiêm cấm các tổ chức, cá nhân có hành vi sử dụng mạng để thu thập, khai thác bất hợp pháp thông tin cá nhân nhằm mục đích phá hoại hay trục lợi trái phép****.***

***Trong trường hợp của Jetstar như đã nói, việc thu thập dữ liệu cá nhân là hợp pháp. Hãng nhận được sự chấp thuận của người tiêu dùng khi họ xác nhận đồng ý (mới có thể) để chuyển sang bước hoàn tất thủ tục mua vé máy bay trên trang web của Jetstar.***

***\* Quan hệ nhân thân:***

*Là quan hệ giữa người với người không mang tính kinh tế, không tính được bằng tiền, phát sinh do một giá trị tinh thần gắn với chủ thể và không thể dịch chuyển được.*

Luật dân sự điều chỉnh các quan hệ nhân thân hay các quyền về nhân thân.

Khác với quy định quyền nhân thân trong Luật dân sự 2005 có phạm vi rất rộng (26 quyền), thì Bộ luật DS 2015 quy định những quyền liên quan đến tư cách của chủ thể được quy định trong Hiến pháp và các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết.

**Ví dụ:** Quyền thay đổi họ tên, quyền được kết hôn, ly hôn; quyền được bảo vệ danh dự, uy tín, nhân phẩm; quyền khai sinh, khai tử; quyền được bảo vệ hình ảnh; quyền được xác định lại giới tính, chuyển đổi giới tính; quyền hiến nhận mô, bộ phận trên cơ thể…(Ví dụ: Bé Hải Anh 7 tuổi con một gia đình ở Cầu Diễn Hà Nội đã hiến giác mạc, một hành động đẹp và xúc động đã khiến cho nhiều người đồng cảm và tham gia đặc biệt có cả 02 BTV của VTV là Hồng Nhung và Mai Trang cũng đăng ký…)

***Câu hỏi: PL Việt Nam có thừa nhận việc chuyển giới và hôn nhân đồng tính?***

*TL: Theo qđ Đ36, Đ37 về quyền xác định lại giới tính và quyền thay đổi giới tính. Trước đây, nếu theo Luật hôn nhân và gia đình 2000 thì việc kết hôn giữa những người đồng giới bị cấm. Từ 1/1/2015, Luật Hôn nhân và gia đình sửa đổi năm 2014 có hiệu lực Quốc hội đã bỏ điều cấm này và thay bằng điều 8, khoản 2 là:*“ Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính”. Có 25 quốc gia thừa nhận hôn nhân đồng tính. Hà Lan là quốc gia đầu tiên.

Đây là lần đầu tiên trong lịch sử lập pháp, vấn đề xác định lại giới tính được ghi nhận.

**Quan hệ nhân thân gồm:** Quan hệ nhân thân gắn với tài sản và quan hệ nhân không gắn với tài sản.

***+ Quan hệ nhân thân gắn với tài sản:*** Là những ***giá trị*** *nhân thân khi được* ***xác lập******sẽ*** *làm phát sinh các quyền tài sản*. Nói cách khác, quan hệ nhân thân gắn với tài sản *là cơ sở phát sinh quan* *hệ tài sản tiếp sau*.

VD: Quyền tác giả đối với các tác phẩm văn học, tác phẩm nghệ thuật, sáng chế; giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp… Ở đây, quan hệ nhân thân là cơ sở khẳng định rằng người sáng tạo ra tác phẩm, công trình văn học, khoa học, nghệ thuật có quyền đứng tên là tác giả của tác phẩm. Quyền này là quyền nhân thân không thể tách rời, dịch chuyển của người sáng tạo. Nhưng đồng thời với việc thừa nhận là tác giả của tác phẩm, người đó còn được hưởng một khoản thù lao theo luật định. Như vậy, lợi ích vật chất ở đây xuất phát từ một quan hệ nhân thân trước đó.

***Câu hỏi:*** *Việc vi phạm bản quyền hiện nay diễn ra rất phổ biến mà có những người vì vô tình, hay cố ý vi phạm quy định về bản quyền đối với sở hữu trí tuệ. Trong vụ việc một người livestream (quay và phát trực tiếp) bộ phim Cô Ba Sài Gòn tại Loteria Vũng Tàu có vi phạm hay không và vấn đề xử lý theo quy định nào?*

*TL: Còn về áp dụng pháp luật để xử lý, thì có hai trường hợp: một là, áp dụng quy định của BLDS phần Sở hữu trí tuệ, trong trường hợp Luật SHTT không quy định rõ mức bồi thường dân sự (mức phạt dân sự, các biện pháp xử phạt về mặt hành chính); hai là, áp dụng quy định của Pháp luật Hình sự (điều 225 BLHS 2015 về Tội xâm phạm quyền tác giả, Quyền liên quan)*

***+ Quan hệ nhân thân không gắn với tài sản:*** Là quan hệ *giữa người với người về những lợi ích tinh thần*, tồn tại một cách độc lập, *không liên quan đến tài sản*:

Ví dụ: Quan hệ về tên gọi, danh dự, nhân phẩm, quyền kết hôn, ly hôn…

**7.1.3. Phương pháp điều chỉnh của luật dân sự**

Bằng những biện pháp, cách thức mà Nhà nước tác động đến các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân làm cho các quan hệ này phát sinh, thay đổi, chấm dứt theo ý chí của Nhà nước.

**Luật dân sự sử dụng phương pháp:** ***Bình đẳng, thoả thuận và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản.***

+ Mọi cá nhân, pháp nhân đều ***bình đẳng,*** không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

+ Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, ***thỏa thuận.*** Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

+ Quyền tự định đoạt của họ trong việc tham gia vào các quan hệ dân sự. Cá nhân, pháp nhân phải ***tự chịu trách nhiệm bằng tài sản*** của mình khi thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

**7.2. MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT DÂN SỰ**

***7.2.1. Quyền sở hữu*** *(Điều158 BLDS 2015)*

***Câu hỏi đặt ra: Sở hữu là gì?***

***Sở hữu*** chính là việc chiếm hữu những của cải vật chất trong xã hội. Trong xã hội có rất nhiều quyền sở hữu như: Quyền sở hữu trí tuệ, Quyền sở hữu công nghiệp; Quyền sở hữu tài sản; Quyền sở hữu đất đai; Quyền sở hữu nhà ở; Quyền sở hữu kinh doanh (Ví dụ: Mua tên thương hiệu kinh doanh Phở Lý Quốc Sư)…

Quyền sở hữu là biểu hiện pháp lý của các quan hệ sở hữu. Đó là các quyền và nghĩa vụ pháp lý của các chủ sở hữu là cá nhân, pháp nhân hay các chủ thể khác trong việc chiếm hữu, sử dụng và định đoạt tài sản.

Như vậy, *quyền sở hữu là hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành để điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực chiếm hữu, sử dụng và định đoạt các tư kiệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng và những tài sản khác theo quy định của pháp luật.*

Nội dung quyền sở hữu bao gồm 3 quyền:

\* **Quyền chiếm hữu**: Là quyền của chủ sở hữu tự mình nắm giữ, quản lí tài sản thuộc sở hữu của mình.

*Thông thường quyền chiếm hữu được thực hiện bởi chủ sở hữu*, **tuy nhiên** có những người không phải là chủ sở hữu cũng có quyền chiếm hữu tài sản trong trường hợp chủ sở hữu chuyển giao quyền hoặc do pháp luật quy định.

***Quyền chiếm hữu được phân biệt thành chiếm hữu có căn cứ pháp luật và chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.***

***+ Chiếm hữu có căn cứ pháp luật:*** Theo quy định Điều 165 BLDS 2015 thì chiếm hữu có căn cứ pháp luật là chiếm hữu tài sản trong các trường hợp như sau:

a) Chủ sở hữu chiếm hữu tài sản;

b) Người được chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản;

c) Người được chuyển giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Người phát hiện và giữ tài sản vô chủ, tài sản không xác định được ai là chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm phù hợp với điều kiện theo quy định của Bộ luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Người phát hiện và giữ gia súc, gia cầm, vật nuôi dưới nước bị thất lạc phù hợp với điều kiện theo quy định của Bộ luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan;

e) Trường hợp khác do pháp luật quy định.

***+ Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật:*** Việc chiếm hữu tài sản không phù hợp với quy định tại Điều 165 BLDS 2015 này là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.

***Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật lại được phân ra thành 2 loại:***

***Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật ngay tình:*** Người chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình là người chiếm hữu tài sản mà *không biết hoặc không thể biết* việc chiếm hữu tài sản đó là không có căn cứ pháp luật.

**Ví dụ:** A ăn cắp chiếc xe máy và gửi đến B. Việc B đang chiếm giữ chiếc xe máy là chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, vì khi nhận giữ chiếc xe này B không biết và không thể biết chiếc xe đó thuộc quyền sở hữu của A.

**Chiếm hữu không ngay tình:** Biết TS đó nhưng vẫn chiếm hữu không có căn cứ pháp luật hoặc phải biết rằng mình không có quyền đối với tài sản đang chiếm hữu.

*Câu hỏi: Lấy từ vụ Vụ án “con gà cồ” tại xã Bình Trinh Đông, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xảy ra năm 2008 do tranh chấp con gà trị giá 115.000đ mà các bên đã phải nhờ cả đến LS, rồi giải quyết tranh chấp tại TADS để làm rõ. Vụ việc xuất phát từ việc bà Quận có nhu cầu tìm một con gà….Theo các em ai là chủ sở hữu đối với con gà, TAND xét xử đúng hay sai?*

\* **Quyền sử dụng**:

***Là quyền của chủ sở hữu khai thác công dụng, hoa lợi, lợi tức từ tài sản.*** Hoa lợi là sản vật tự nhiên mà tài sản mang lại. Lợi tức là các khoản lợi thu được từ việc khai thác tài sản.

Người chủ sở hữu trực tiếp thực hiện quyền sử dụng thì được thực hiện theo ý chí của mình nhưng không được gây thiệt hại và làm ảnh hưởng đến lợi ích của người khác. Người không phải là chủ sở hữu cũng có quyền sử dụng tài sản trong trường hợp được chủ sở hữu chuyển giao quyền sử dụng thông qua hợp đồng hoặc do pháp luật quy định.

Ví dụ: Người thuê nhà trọ thì có quyền sử dụng ngôi nhà đó; người thuê xe của người khác thì có quyền khai thác công dụng của chiếc xe đó trong thời hạn thuê xe được quy định tại hợp đồng…

\* **Quyền định đoạt**:

***Là quyền của chủ sở hữu chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho người khác hoặc từ bỏ quyền sở hữu đó.*** Các hình thức định đoạt thông thường như bán, trao đổi, tặng cho, cho vay, để thừa kế, từ bỏ tài sản... Chủ sở hữu tự mình hoặc ủy quyền cho người khác định đoạt tài sản của mình. Việc định đoạt tài sản phải phải do người có năng lực hành vi dân sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Các chủ sở hữu là cá nhân, pháp nhân và các chủ thể khác đều được pháp luật quy định có đủ cả ba quyền trên trong quyền sở hữu của mình. Nguyên tắc chung trong việc thực hiện quyền sở hữu là: “Chủ sở hữu được thực hiện mọi hành vi theo ý chí của mình đối với tài sản nhưng không được gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích của nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác”

**Các căn cứ xác lập và chấm dứt quyền sở hữu:**

**\* Các căn cứ xác lập quyền sở hữu** (Điều 221 BLDS 2015):

- Do lao động, do hoạt động sản xuất kinh doanh hợp pháp;

- Được chuyển quyền sở hữu theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Thu hoa lợi, lợi tức.

- Tạo thành vật mới do sáp nhập, trộn lẫn, chế biến;

- Được thừa kế tài sản;

- Chiếm hữu trong các điều kiện do pháp luật quy định đối với vật vô chủ, vật đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn giấu, gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi dưới nước di chuyển tự nhiên

- Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản.

**\* Căn cứ Chấm dứt quyền sở hữu:** (Điều 237 BLDS 2015):

- Chủ sở hữu chuyển quyền sở hữu của mình cho người khác;

- Chủ sở hữu từ bỏ quyền sở hữu của mình;

- Tài sản bị tiêu hủy;

- Tài sản bị xử lý để thực hiện nghĩa vụ của chủ sở hữu;

- Tài sản bị trưng mua;

- Tài sản bị tịch thu;

- Vật bị đánh rơi, bị bỏ quên, gia súc, gia cầm bị thất lạc, vật nuôi dưới nước di chuyển tự nhiên mà người khác đã được xác lập quyền sở hữu trong các điều kiện do pháp luật quy định; tài sản đã được xác lập quyền sở hữu khi họ đã chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản.

***7.2.2. Quyền thừa kế (điều 609 BLDS)***

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

**Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc.**

*Thừa kế là tổng hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh việc chuyển dịch tài sản của người chết cho người khác theo di chúc hoặc theo một rình tự nhất định.*

Quyền thừa kế hiểu theo nghĩa chủ quan là quyền của người để lại di sản và quyền của người nhận d sản. Quyền chủ quan này phải phù hợp với các quy định của pháp luật nói chung và pháp luật thừa kế nói riêng.

Quyền thừa kế là một trong những quyền cơ bản của công dân được pháp luật bảo hộ, trong Chương 11 phần thứ tư của BLDS 2015 đã đưa ra \***Các nguyên tắc cơ bản của thừa kế như sau:**

- Pháp luật bảo hộ quyền thừa kế tài sản của cá nhân;

- Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền thừa kế;

- Nguyên tắc tôn trọng quyền định đoạt của người có tài sản, người hưởng di sản;

- Củng cố, giữ vững tình thương và đoàn kết trong gia đình.

**\* Một số quy định chung về thừa kế**

***- Người để lại di sản thừa kế:***

Là người mà sau khi chết có tài sản để lại cho người khác theo trình tự thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật. Người để lại di sản chỉ có thể là cá nhân, không phân biệt bất cứ điều kiện nào (thành phần xã hội, địa vị, mức độ năng lực hành vi…).

Đối với pháp nhân, tổ chức được thành lập với những mục đích và nhiệm vụ khác nhau. Tài sản của pháp nhân, tổ chức để duy trì các hoạt động của chính mình. Không cá nhân nào của tổ chức đó có quyền định đoạt các tài sản của pháp nhân, tổ chức đó. Khi pháp nhân, tổ chức đình chỉ hoạt động của mình (giải thể, phá sản). Tài sản được giải quyết theo quy định của pháp luật. Pháp nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ thừa kế với tư cách là người được hưởng di sản theo di chúc.

***- Người thừa kế:***

Là người được hưởng di sản thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật. Người thừa kế theo pháp luật chỉ có thể là cá nhân và phải là người có quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc nuôi dưỡng với người để lại di sản. Người thừa kế theo di chúc có thể là cá nhân hoặc tổ chức hoặc Nhà nước. Những người thừa kế có các quyền và nghĩa vụ về tài sản do người chết để lại.

Người thừa kế là cá nhân phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản thừa kế chết. Nếu người thừa kế là cơ quan, tổ chức thì phải còn tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.

* ***Di sản thừa kế:***

Di sản thừa kế là tài sản của người chết để lại cho những người còn sống. Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác (Điều 612 BLDS).

Di sản thừa kế bao gồm: Tài sản riêng của người chết; Phần tài sản của người chết trong khối tài sản chung với người khác và quyền về tài sản do người chết để lại.

* ***Thời điểm, địa điểm mở thừa kế:***

+ Thời điểm mở thừa kế: Là thời điểm người để lại di sản chết. Trong trường hợp tòa án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định theo quy định (khoản 1 Điều 611 BLDS).

+ Địa điểm mở thừa kế: Là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản thừa kế; nếu không có nơi cư trú cuối cùng thì là nơi có toàn bộ hoặc phần lớn di sản (khoản 2 Điều 611 BLDS).

* ***Hàng thừa kế:***

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015 thì:

**a. Hàng thừa kế thứ nhất**:

*Gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.*

**b. Hàng thừa kế thứ hai**

*Gồm ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại.*

**c. Hàng thừa kế thứ ba**

*Gồm cụ nội, cụ ngoại của người chết; Bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.*

***- Thừa kế thế vị:***

Trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì chắt được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của chắt được hưởng nếu còn sống *(Điều 652 BLDS 2015).*

**TÌM HIỂU THÊM VỀ HÀNG THỪA KẾ:**

- Quan hệ thừa kế giữa vợ với chồng và ngược lại:

Vợ sẽ được thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của chồng và ngược lại. Tuy nhiên, chỉ coi là vợ chồng nếu hai bên nam nữ kết hôn hợp pháp. Đối với quan hệ thừa kế giữa vợ và chồng cần lưu ý:

Trong trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung trong thời kì hôn nhân mà sau đó một người chết thì người còn sống vẫn được hưởng thừa kế di sản.

Trong trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người chết thì người còn sống vẫn được hưởng di sản thừa kế (khoản 2 Điều 680  Bộ luật dân sự 2005).

Người đang là vợ hoặc chồng của một người tại thời điểm người đó chết thì dù sau đó đã kết hôn với người khác vẫn được thừa kế di sản (Khoản 3 Điều 680 BLDS 2005).

Đối với trường hợp một người có nhiều vợ, nhiều chồng trước ngày 13/1/1960 ở Miền Bắc, trước ngày 25/3/1977 ở Miền Nam, cán bộ Miền Nam tập kết ra Bắc (trong khoảng thời gian từ năm 1954 đến 1975) lấy vợ, lấy chồng khác và kết hôn sau không bị Tòa án hủy bằng bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Trong trường hợp này, người chồng, người vợ được hưởng thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất của tất cả những người chồng (vợ) và ngược lại.

- Quan hệ thừa kế giữa cha mẹ đẻ với con đẻ và ngược lại:

Cha đẻ, mẹ đẻ, con đẻ được thừa kế theo pháp luật của nhau không chỉ là quy định của pháp luật thừa kế Việt Nam mà còn của hầu hết các nước trên thế giới. Con đẻ được hưởng thừa kế của cha mẹ đẻ không kể là con trong giá thú hay con ngoài giá thú và ngược lại.

- Quan hệ thừa kế giữa cha mẹ nuôi với con nuôi và ngược lại:

Về phía gia đình cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi chỉ có quan hệ thừa kế với cha nuôi, mẹ nuôi mà không có quan hệ thừa kế với cha đẻ, mẹ đẻ của người nuôi con nuôi. Cha đẻ, mẹ đẻ của người nuôi con nuôi cũng không được thừa kế của người con nuôi đó.

Trường hợp cha nuôi, mẹ nuôi kết hôn với người khác thì người con nuôi đó không đương nhiên trở thành con nuôi của người đó, cho nên họ không phải là người thừa kế của nhau theo pháp luật.

Người đã làm con nuôi người khác vẫn có quan hệ thừa kế với cha đẻ, mẹ đẻ, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh chị em ruột, cô, bác, chú, dì, cậu ruột như người không làm con nuôi người khác.

- Quan hệ thừa kế giữa con riêng với bố dượng, mẹ kế:

Nếu có quan hệ nuôi dưỡng, chăm sóc nhau như cha con, mẹ con thì được hưởng thừa kế tài sản của nhau và còn được hưởng thừa kế tài sản theo quy định tại Điều 677 và Điều 678 BLDS 2005.

**b. Hàng thừa kế thứ hai**

**Gồm ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại.**

- Quan hệ thừa kế giữa ông nội, bà nội với cháu nội, giữa ông ngoại, bà ngoại với cháu ngoại và ngược lại:

Ông bà nội là người sinh ra cha của cháu, ông bà ngoại là người sinh ra nẹ của cháu. Nếu cháu (ruột) chết thì ông bà nội, ông bà ngoại ở hàng thừa kế thứ hai của cháu và ngược lại.

Trên thực tế có trường hợp ông bà chết nhưng cha mẹ cháu không được hưởng thừa kế mặc dù vẫn còn sống (bị truất quyền, không có quyền hưởng di sản), trong trường hợp này, cháu ruột của ông bà cũng không được hưởng di sản vì không thuộc hàng thừa kế của ông bà. Xuất phát từ lý do đó, pháp luật có quy định cháu ruột thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông bà nếu ông bà chết.

- Quan hệ thừa kế giữa anh chị ruột với em ruột và ngược lại:

Anh, chị, em ruột là hàng thừa kế thứ hai của nhau. Anh, chị, em ruột có thể cùng cha mẹ, cùng cha hoặc cùng mẹ. Do vậy, không phân biệt con trong giá thú hay con ngoài giá thú, nếu anh, chị ruột chết trước em ruột thì em ruột được hưởng  thừa kế của anh chị ruột và ngược lại.

Con riêng của vợ, con riêng của chồng không phải là anh chị em ruột của nhau. Con nuôi của một người không đương nhiên trở thành anh, chị, em của on đẻ người đó. Do đó, con nuôi và con đẻ của một người không phải là người [thừa kế](https://luatminhgia.com.vn/luat-su-dan-su/tu-van-phap-luat-thua-ke.aspx) hàng thứ hai của nhau.

Người làm con nuôi người khác vẫn được hưởng thừa kế hàng thứ hai của anh chị em ruột mình. Người có anh, chị, em ruột làm con nuôi người khác vẫn là người thừa kế hàng thứ hai của người đã làm con nuôi người khác đó.

**c. Hàng thừa kế thứ ba**

**Gồm cụ nội, cụ ngoại của người chết; Bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.**

- Quan hệ thừa kế giữa cụ nội với chắt nội, giữa cụ ngoại với chắt ngoại và ngược lại:

Cụ nội là người sinh ra ông hoặc bà nội của người đó, cụ ngoại là người sinh ra ông hoặc bà ngoại của người đó.

Trong trường hợp cụ nội, cụ ngoại mất không có người thừa kế là con, cháu hoặc có người thừa kế nhưng họ đều từ chối hoặc bị truất quyền hưởng thừa kế thì chắt sẽ được hưởng di sản của cụ.

-Quan hệ thừa kế giữa bác ruột, cô ruột, chú ruột, cậu ruột, dì ruột với cháu ruột và ngược lại:

Bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột là anh chị em ruột của bố hoặc mẹ của cháu. Khi cháu ruột chết, anh chị em ruột của bố, mẹ thuộc hàng thừa kế thứ ba của cháu và ngược lại.

Ý nghĩa:

Quy định về hàng thừa kế theo pháp luật đã là một bước tiến trong quá trình lập pháp ở nước ta và bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người thừa kế có quan hệ thân thuộc, gần gũi với người để lại di sản. Đặc biệt, quyền sở hữu tài sản của công dân được mở rộng nhóm khách thể thuộc quyền sở hữu cá nhân bao gồm không những tư liệu sinh hoạt mà còn là tư liệu sản xuất không bị hạn chế về khối lượng và giá trị./.